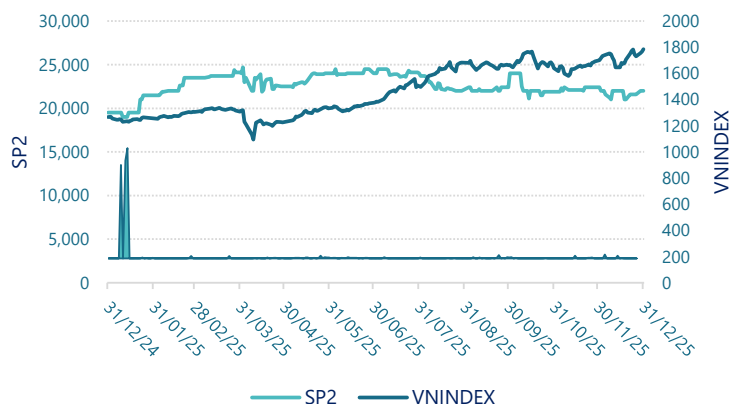


CTCP Thủy điện Sử Pán 2 (UPCOM: SP2)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	22,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,000
SL cổ phiếu LH	20,623,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	63,415
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	454
P/E	7.6
EPS	2,882

DT thuần

Q4/25

37.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.2| -47.0%

YoY: ▲4.90| 15.0%

LN sau thuế

Q4/25

9.59

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.4| -74.8%

YoY: ▲5.74| 149%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

44.9%

+/- YoY: ▼1.1%

DT thuần

2025

174

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.00| -2.2%

LN sau thuế

2025

59.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲5.40| 10.1%

ROE

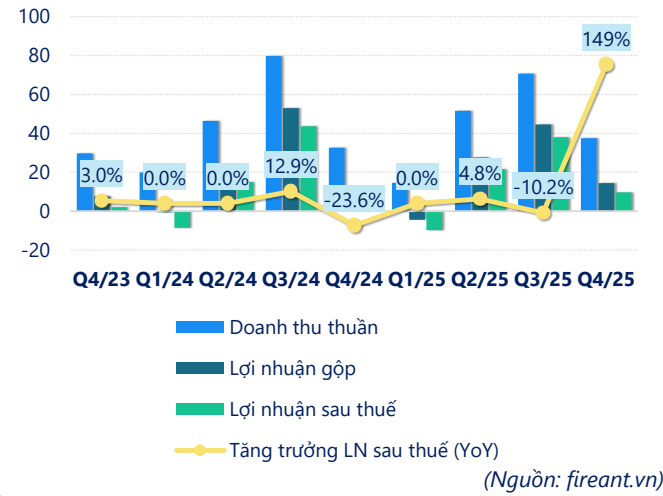
2025

40.1%

+/- YoY: ▼18.8%

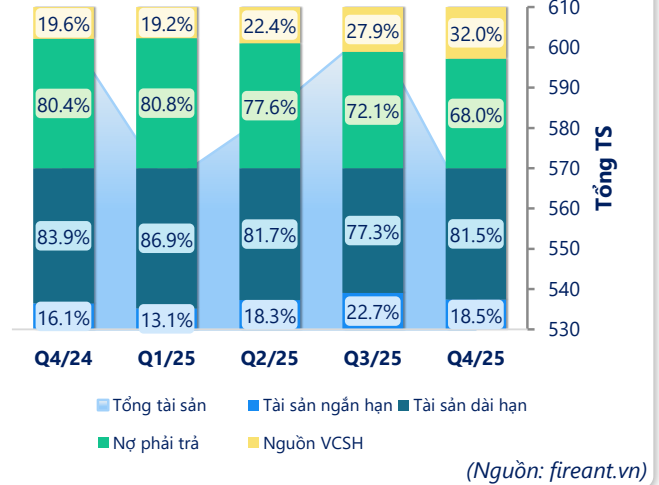
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

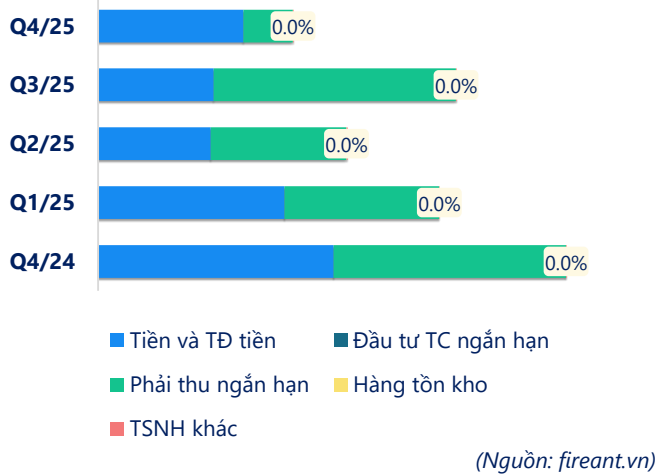


Cơ cấu Tổng tài sản

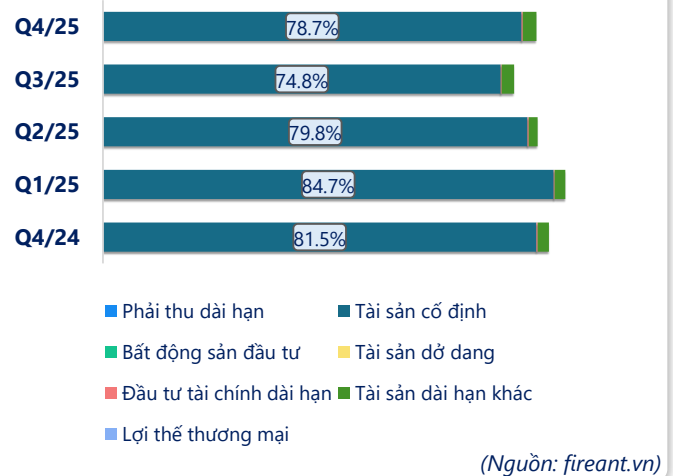
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

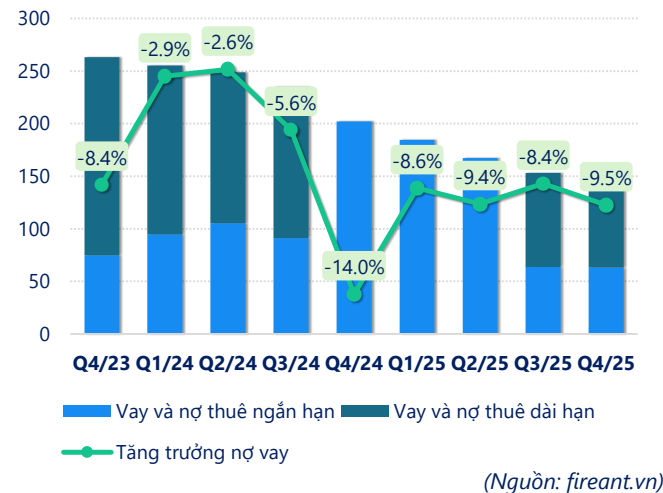


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



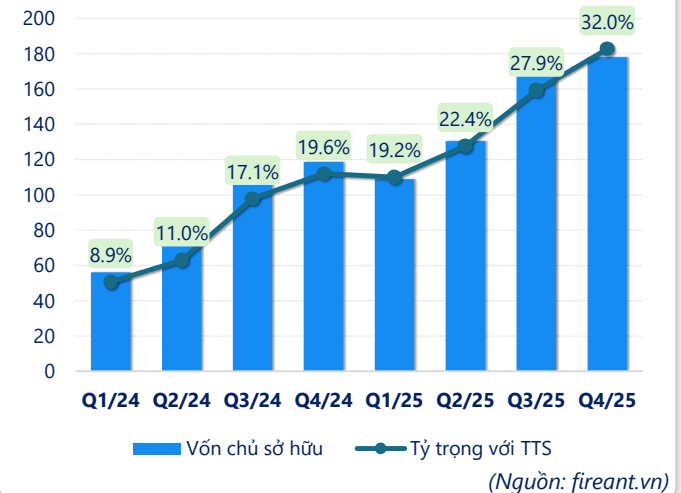
tỷ VNĐ

Nợ vay

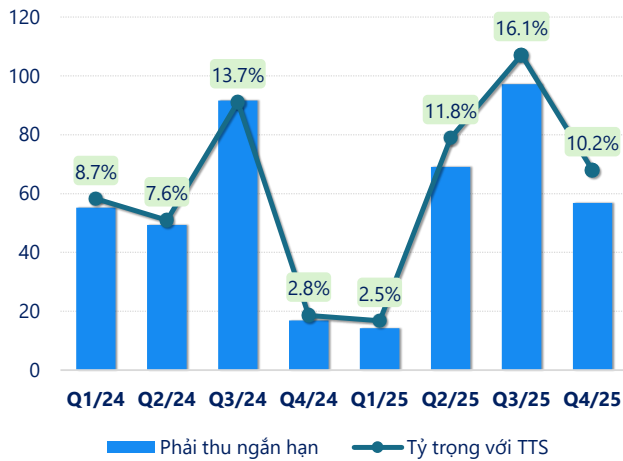


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

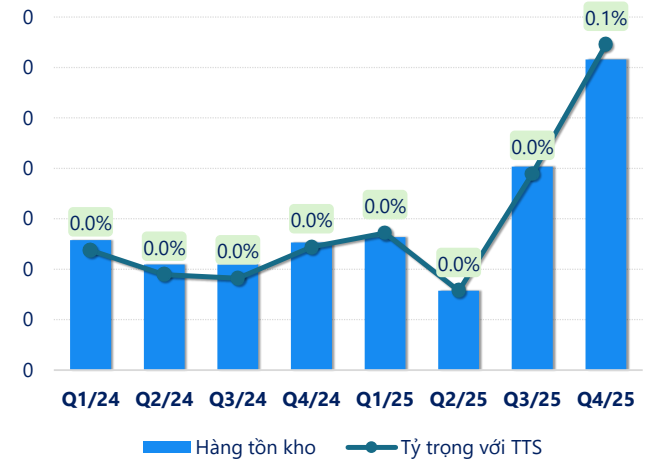


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


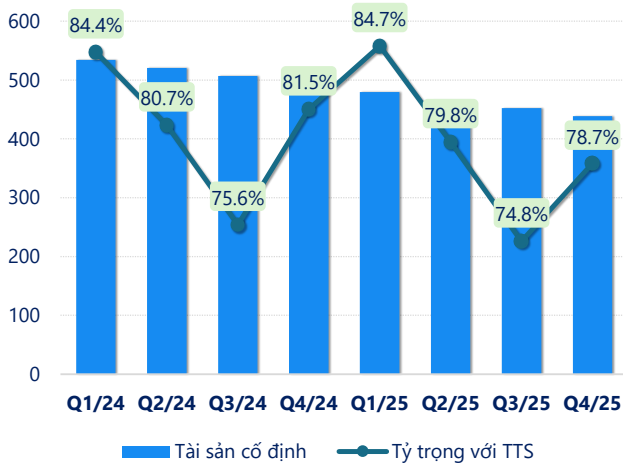
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


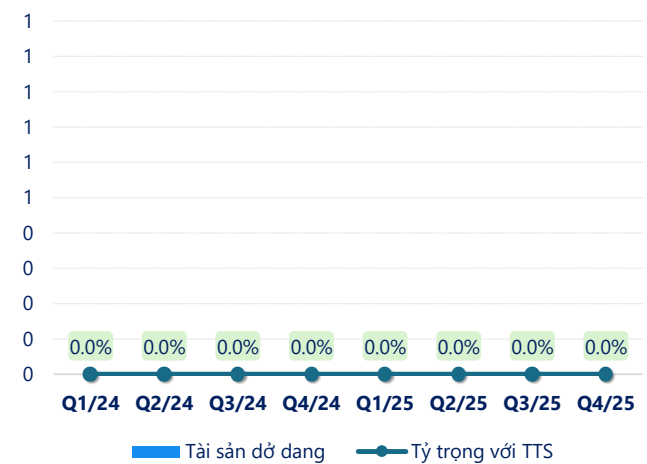
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

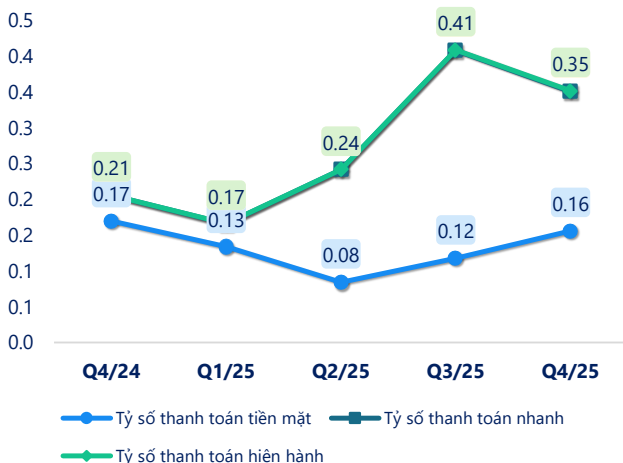
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

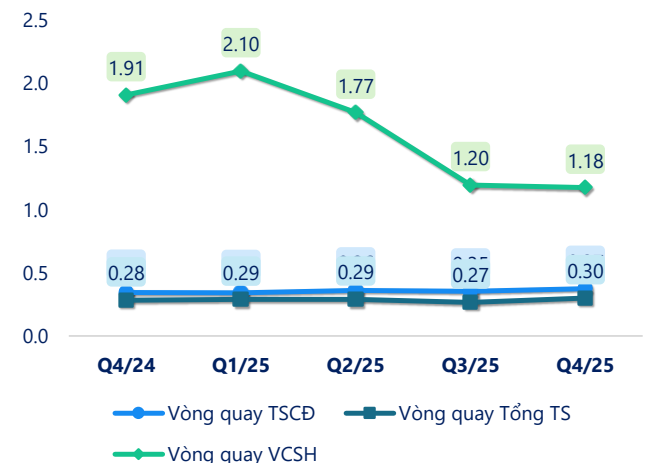
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	605	566	584	605	557
Tài sản ngắn hạn	97.6	73.9	107	137	103
Tiền và tương đương tiền	80.4	59.5	37.1	39.5	45.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	16.9	14.2	69.1	97.2	56.8
Hàng tồn kho	0.13	0.13	0.08	0.20	0.31
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.04	0.33	0.23	0.13
Tài sản dài hạn	508	492	477	468	454
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	493	480	466	452	439
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
Tài sản dài hạn khác	13.1	11.2	9.78	14.2	14.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	486	457	453	436	379
Nợ ngắn hạn	474	445	441	335	293
Vay và nợ thuê ngắn hạn	202	185	167	63.6	63.1
Phải trả người bán ngắn hạn	2.38	2.61	2.86	3.01	2.26
Nợ dài hạn	12.7	12.2	11.7	101	86.3
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	89.6	75.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	119	109	131	168	178
Vốn chủ sở hữu	119	109	131	168	178
Vốn điều lệ	207	207	207	207	207
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)